

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRC
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10/01/2024

Về việc tranh chấp ly hôn

và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRC, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phước Thị Kim Huê.

Ông Ngô Văn Chiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TrC, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Trầm Văn Mừng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TrC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023, về việc Tranh chấp ly hôn và chia tài sản khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 51a/TB-TA, ngày 03/01/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Thạch T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp SR, xã TH, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Sơn Thị Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp CL, xã TH, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Người phiên dịch tiếng Khmer:** Ông Thạch D, sinh năm 1957; địa chỉ: Khóm 5, thị trấn TrC, huyện TrC, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Thạch T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2023 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, anh Thạch T trình bày:

Vào năm 2018, anh với chị Sơn Thị Đ xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TrC. Sau đó vợ chồng anh sống chung với cha, mẹ ruột của chị Đ. Cuộc sống cũng hạnh phúc được một thời gian, nhưng vợ chồng chưa có con chung. Khoảng 03 năm trở lại đây, vợ chồng anh có phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; có nhiều lần, khi anh uống rượu với bạn bè, chị Đ la mắng làm anh mất mặt, lần gần đây nhất khoảng hơn 01 tháng và anh bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Nay anh Thạch T yêu cầu được ly hôn với chị Sơn Thị Đ.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Trước đây anh có yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCTTER, biển số 84G1-467.44 và phần giá trị sửa chữa căn nhà bằng 100.000.000 đồng. Nay anh xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, do giữa anh với chị Đ đã tự thỏa thuận phân chia xong.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn chị Sơn Thị Đ trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến của anh Thạch T về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nay anh Thạch T xin ly hôn với chị thì chị không đồng ý, vì chị còn thương anh T và vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Về con chung: Không có; về tài sản chung: Vợ chồng chị đã tự thỏa thuận phân chia xong và về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân s.ự

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 228, 244 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch T.

Về hôn nhân: Cho anh Thạch T được ly hôn với chị Sơn Thị Đ.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch T về việc tranh

chấp tài sản chung với chị Sơn Thị Đ đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCTTER, biển số 84G1-467.44 và phần giá trị sửa chữa căn nhà bằng 100.000.000 đồng. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này theo quy định của pháp luật.

Về con chung và nợ chung: Anh Thạch T và chị Sơn Thị Đ không có nên không xem xét.

Về án phí: Buộc anh Thạch T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Thạch T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Thạch T với chị Sơn Thị Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; anh Thạch T có nộp bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã TH, huyện TrC cấp nên hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian tại nhà cha, mẹ ruột chị Đ. Sau đó, cách nay hơn 01 tháng thì anh, chị không còn chung sống với nhau, do phát sinh mâu thuẫn và anh T về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Theo anh T trình bày thì hôn nhân của vợ chồng anh đã mâu thuẫn trầm trọng và kiên quyết ly hôn; do vợ, chồng sống chung với nhau khoảng 05 năm nhưng không có con chung nên cũng không hạnh phúc; anh đi làm gửi tiền về nhưng vợ anh không công khai rõ ràng; anh có bạn bè đi nhậu thì vợ mấy lần la mắng làm anh mất mặt và vợ anh còn xem thường cha, mẹ anh. Đối với chị Đ thì cho rằng việc vợ chồng có con chậm cũng không ảnh hưởng gì đến hạnh phúc; việc chị có la rầy trước bạn bè 01 lần nhưng không có gì lớn mà anh T phải ly hôn.

Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cho thấy: Hằng ngày anh T rất chịu khó làm ăn, không mất lòng ai; nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị Đ không tôn trọng, có hành vi đánh đập anh T trước mặt nhiều bạn bè, là cho anh T mất mặt, anh T có đánh lại chị Đ và bỏ về nhà cha, mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Đối với chị Đ mặc dù có yêu cầu đoàn tụ nhưng từ ngày anh T về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay, chị không đến liên hệ để tự hàn gắn, đoàn tụ, trong khi giữa nhà chị với gia đình cha mẹ chồng cùng một xã, có khoảng cách không xa. Điều đó cho thấy chị Đ bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng và phía anh T cũng không muốn về sống chung với chị Đ, nếu tiếp tục cuộc sống vợ chồng cũng không hạnh phúc. Cho nên việc anh T xin được ly hôn với chị Đ là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị Đ không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Xét thấy anh T tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp tài sản chung với chị Đ đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCTTER, biển số 84G1-467.44 và phần giá trị sửa chữa căn nhà bằng 100.000.000 đồng nên đình chỉ đối với yêu cầu này của đương sự. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Anh T và chị Đ khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 219, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Thạch T được ly hôn với chị Sơn Thị Đ.

Về con chung: Anh Thạch T và chị Sơn Thị Đ không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Thạch T về việc tranh chấp tài sản chung với chị Sơn Thị Đ đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCTTER, biển số 84G1-467.44 và phần giá trị sửa chữa căn nhà bằng 100.000.000 đồng. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự này theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Anh Thạch T và chị Sơn Thị Đ khai không có nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

Buộc anh Thạch T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018486, ngày 06 tháng 11

năm 2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện TrC; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình).

Hoàn trả lại cho anh Thạch T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.300.000 đồng (phần tạm ứng án phí dân sự về tranh chấp tài sản khi ly hôn) theo biên lai thu tiền số 0018487, ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TrC.

Chị Sơn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để đề nghị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TrC;
- Chi cục THADS huyện TrC;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm